



BIỂU PHÍ DỊCH VỤ

Ngày ban hành: 28/01/2026

Ngày hiệu lực: 09/02/2026

STT	DỊCH VỤ	KHÁCH HÀNG TRONG NƯỚC	KHÁCH HÀNG NƯỚC NGOÀI
I.	Tài khoản giao dịch chứng khoán		
1	Mở tài khoản	Miễn phí	Miễn phí
2	Đóng tài khoản	Miễn phí	Miễn phí
II.	Phí giao dịch chứng khoán		
1	Phí môi giới giao dịch cổ phiếu niêm yết, chứng chỉ quỹ và chứng khoán đăng ký giao dịch		
1.a	Giao dịch đặt lệnh qua hệ thống giao dịch trực tuyến (web trading và ứng dụng di động)	0,2% giá trị khớp lệnh	0,5% giá trị khớp lệnh
1.b	Giao dịch đặt lệnh qua các phương thức khác (điện thoại, tại quầy, v.v.)	0,45% giá trị khớp lệnh	1% giá trị khớp lệnh
2	Thông báo kết quả giao dịch qua email và ứng dụng di động	Miễn phí	Miễn phí
3	Thông báo kết quả giao dịch và xác thực OTP qua SMS	55.000 VNĐ / tài khoản / tháng	Không áp dụng
III.	Phí ký gửi và lưu ký chứng khoán		
1	Phí ký gửi cổ phiếu và chứng chỉ quỹ	Miễn phí	Miễn phí
2	Phí lưu ký đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ và chứng quyền có bảo đảm	0,27 VNĐ / cổ phiếu / tháng	0,27 VNĐ / cổ phiếu / tháng
3	Phí lưu ký đối với trái phiếu doanh nghiệp	0,18 VNĐ / trái phiếu / tháng Tối đa: 2.000.000 VNĐ / tháng / trái phiếu	0,18 VNĐ / trái phiếu / tháng Tối đa: 2.000.000 VNĐ / tháng / trái phiếu
IV.	Phí chuyển khoản chứng khoán		
1	Phí chuyển khoản chứng khoán áp dụng cho việc chuyển danh mục, bao gồm chuyển một phần, chuyển toàn bộ, chuyển khi đóng tài khoản và chuyển do tặng, cho	0,5 VNĐ / cổ phiếu hoặc trái phiếu Tối đa: 500.000 VNĐ / giao dịch	0,5 VNĐ / cổ phiếu hoặc trái phiếu Tối đa: 500.000 VNĐ / giao dịch
2	Chuyển khoản chứng khoán ngoài sàn	Theo quy định của VSDC	Theo quy định của VSDC



BIỂU PHÍ DỊCH VỤ

Ngày ban hành: 28/01/2026

Ngày hiệu lực: 09/02/2026

STT	DỊCH VỤ	KHÁCH HÀNG TRONG NƯỚC	KHÁCH HÀNG NƯỚC NGOÀI
V. Phí cung cấp chứng từ (theo yêu cầu của khách hàng)			
1	Phí xác nhận, bao gồm xác nhận báo cáo số dư, giá trị danh mục, sao kê giao dịch, xác nhận thuế giao dịch của tài khoản chứng khoán và các nội dung xác nhận tương tự khác	5.500 VNĐ / trang Tối thiểu: 22.000 VNĐ / yêu cầu	5.500 VNĐ / trang Tối thiểu: 22.000 VNĐ / yêu cầu
2	Phí cung cấp báo cáo lãi/lỗ	Báo cáo theo yêu cầu: 550.000 VNĐ / trang đầu tiên; 110.000 VNĐ / mỗi trang tiếp theo Tối đa: 1.100.000 VNĐ / yêu cầu	Báo cáo theo yêu cầu: 550.000 VNĐ / trang đầu tiên; 110.000 VNĐ / mỗi trang tiếp theo Tối đa: 1.100.000 VNĐ / yêu cầu
3	Phí gửi chứng từ (Áp dụng cho các chứng từ quy định tại Mục V)	Thu theo chi phí thực tế	Thu theo chi phí thực tế
VI. Phí chuyển tiền			
1	Giao dịch chuyển tiền (không bao gồm các giao dịch liên quan đến đóng tài khoản)	Số tiền chuyển tối thiểu: 50.000 VNĐ Phí chuyển tiền: Thu theo biểu phí của ngân hàng thanh toán được chỉ định	Phí chuyển tiền: Thu theo biểu phí của ngân hàng thanh toán được chỉ định
VII. Lãi suất trên số dư tài khoản			
1	Đối với tài khoản tổng	Theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng nơi JSI mở tài khoản	Không áp dụng
2	Đối với tài khoản tách biệt	Theo quy định của BIDV	Theo quy định của BIDV
VIII. Phí ứng trước tiền bán chứng khoán			
1	Phí ứng trước tiền bán chứng khoán	10%/năm, tính trên cơ sở 365 ngày Tối thiểu: 50.000 VNĐ / yêu cầu	Không áp dụng

GHI CHÚ:

- Biểu phí nêu trên không áp dụng đối với các giao dịch thuộc phạm vi điều chỉnh của các quyết định riêng.
- Khách hàng có thể yêu cầu JSI cung cấp mức phí và lãi suất đối với các dịch vụ chưa được công bố trong Biểu phí này.
- Biểu phí và lãi suất nêu trên có thể được điều chỉnh và sẽ được thông báo trước phù hợp với các điều khoản và điều kiện của thỏa thuận/hợp đồng liên quan.
- Phí dịch vụ không bao gồm các khoản thuế, phí mà Nhà đầu tư có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước theo quy định pháp luật (nếu có).
- Các mức phí nêu trên đã bao gồm Thuế Giá trị Gia tăng (nếu có).